

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về công trình

1.1.1. Giới thiệu chung về công trình

- Tên công trình: Sửa chữa lớn TSCĐ năm 2026 Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV

- Chủ đầu tư: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV

- Địa điểm: Nhà máy nhiệt điện Na Dương (Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam);

1.1.2. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 8: Cung cấp vật tư và dịch vụ sửa chữa hệ thống máy biến áp T1, TD91 NMNĐ Na Dương

- Nguồn vốn: Chi phí SXKD

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước, qua mạng;

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ;

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định;

- Thời gian thực hiện gói thầu: 210 ngày.

- Yêu cầu về phạm vi cung cấp hàng hóa: Theo quy định tại Mẫu số 01B (Webform trên Hệ thống). Phạm vi cung cấp, Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu;

- Yêu cầu về các dịch vụ liên quan: Theo quy định tại Mẫu số 01D (Webform trên Hệ thống). Các dịch vụ liên quan, Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu;

- Yêu cầu về thời gian giao hàng (ngày giao hàng sớm nhất và ngày giao hàng chậm nhất): Theo quy định tại Mẫu số 01B (webform trên Hệ thống). Phạm vi cung cấp hàng hóa, Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.

1.1.3. Thuế GTGT

a, Đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp theo Mẫu số 01B (Webform trên Hệ thống)

+ Hàng hóa thuộc Gói thầu được phê duyệt với thuế GTGT 10%, để đảm bảo tính công bằng trong quá trình đánh giá đề nghị nhà thầu chào giá đã bao gồm thuế GTGT 10%.

+ Trường hợp nhà thầu không tuyên bố thuế suất của giá dự thầu thì sẽ được hiểu là giá gói thầu đã bao gồm thuế GTGT 10%.

+ Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu đã bao gồm thuế 8% thì sẽ được hiệu chỉnh về thuế GTGT 10%.

b, Đối với dịch vụ liên quan thuộc phạm vi cung cấp theo mẫu số Mẫu số 01D (Webform trên Hệ thống)

+ Dịch vụ liên quan thuộc Gói thầu được phê duyệt với thuế GTGT 8%, để đảm bảo tính công bằng trong quá trình đánh giá đề nghị nhà thầu chào giá đã bao gồm thuế GTGT 8%.

+ Trường hợp nhà thầu không tuyên bố thuế suất của giá dự thầu thì sẽ được hiểu là giá gói thầu đã bao gồm thuế GTGT 8%.

+ Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu đã bao gồm thuế 10% thì sẽ được hiệu chỉnh về thuế GTGT 8%.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Đối với phần cung cấp hàng hóa

Các hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp phải đáp ứng các thông số kỹ thuật và các yêu cầu sau đây:

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Ghi chú
I	MÁY BIẾN ÁP T1			
1	Van tay mặt bích, thép	JIS 10K DN25 lắp đặt phù hợp với thiết bị hiện hữu		
2	Van lấy mẫu dầu mặt bích thép	JIS 10K DN15 lắp đặt phù hợp với thiết bị hiện hữu		
3	Cọc đầu dây mạch điều khiển	UK6		
4	Cọc đầu dây mạch dòng	URTK/S		
5	Chặn cọc đầu dây			
6	Đầu cốt kim rồng	2mm ² (100 cái/túi)		
7	Đầu cốt kim rồng	4mm ² (100 cái/túi)		
8	Gioăng cao su	700x700xd8		
9	Gioăng cao su tấm d5	d5 300x500xd5		
10	Gioăng cao su dải	d10x20		
11	Thép tấm CT3	độ dày 10mm		
12	Bu lông mạ kẽm	M16x50		
13	Bu lông mạ kẽm	M12x50		
14	Bu lông mạ kẽm	M10x40		

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Ghi chú
15	Đồng hồ báo nhiệt độ dầu Máy biến áp tại chỗ (bao gồm cả phụ kiện)	Dải nhiệt độ: 0 - 120oC Cấp chính xác: KL 1.5 Tiếp điểm: tiếp điểm 1: 1NO+1NC; Tiếp điểm 2: 1NO+1NC; 5A, 250VAC. Tác động của tiếp điểm theo nhiệt độ cài đặt phù hợp với biến áp nhà máy Chiều dài cảm biến: phù hợp với vị trí lắp đặt của nhà máy. Cấp bảo vệ: IP54	(*)	
16	Cảm biến nhiệt độ dầu máy biến áp	Hãng sản xuất: AKM (hoặc tương đương) Model: 44664-105 Loại cảm biến: Pt100 Ren kết nối máy biến áp: BSP 1" Cấp bảo vệ: IP 54	(*)	(**)
17	Đồng hồ báo nhiệt độ cuộn dây tại chỗ	Hãng sản xuất: AKM (hoặc tương đương) Type: WTI series 35 Dải nhiệt độ: 0 - 150oC Độ chính xác: $\pm 2\%$ Mô phỏng nhiệt độ cuộn dây: $CT \leq 5A$ Số lượng tiếp điểm: 4 Kiểu tín hiệu đầu ra: Pt 100 Chiều dài cảm biến: phù hợp với vị trí lắp đặt của nhà	(*)	(**)

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Ghi chú
		máy. Cấp bảo vệ: IP66		
18	Cảm biến đo nhiệt độ cuộn dây máy biến áp	Hãng sản xuất: AKM (hoặc tương đương) Model: 446812-105 Loại cảm biến: Pt100 Ren kết nối máy biến áp: BSP 1" Cấp bảo vệ: IP 54 - Có bộ phận gia nhiệt tích hợp để mô phỏng việc đo nhiệt độ cuộn dây bên trong máy biến áp	(*)	(**)
19	Bộ báo mức dầu bình dầu chính (bao gồm cả phụ kiện đi kèm)	Hãng sản xuất: Elmek (hoặc tương đương) Model: KYS B-B2; Code No: 591 Loại báo mức: Kiểu từ tính Góc quét: 100o Tiếp điểm Min: 1NO+1NC, Tiếp điểm Max: 1NO+1NC; 5A 250VAC Lắp đặt phù hợp với thiết bị hiện hữu của nhà máy	(*)	(**)
20	Bộ báo mức dầu khoang OLTC (bao gồm cả phụ kiện đi kèm)	Hãng sản xuất: Elmek (hoặc tương đương) Model: KYS A-B2; Code No: 561 Loại báo mức: Kiểu từ tính Góc quét: 140o Tiếp điểm Min: 1NO+1NC, Tiếp điểm Max: 1NO+1NC;	(*)	(**)

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Ghi chú
		5A 250VAC Lắp đặt phù hợp với thiết bị hiện hữu của nhà máy		
21	Đồng hồ báo nhiệt độ cuộn dây máy biến áp	Hãng sản xuất: Fuji (hoặc tương đương) Model: PXZ7-NEY2 Nguồn nuôi: 220VAC Tín hiệu vào: Pt100 Tín hiệu ra: 4-20mA Hiển thị nhiệt độ trên màn hình	(*)	(**)
22	Đồng hồ báo nhiệt độ dầu máy biến áp	Hãng sản xuất: Fuji (hoặc tương đương) Model: PXZ7-NEY2 Nguồn nuôi: 220VAC Tín hiệu vào: Pt100 Tín hiệu ra: 4-20mA Hiển thị nhiệt độ trên màn hình	(*)	(**)
23	Đồng hồ chỉ thị nấc phân áp	Hãng sản xuất: MR (hoặc tương đương) Chỉ thị: 17 nấc phân áp Nguồn nuôi: 220VDC Kích thước phù hợp với thiết bị hiện hữu của nhà máy	(*)	(**)
24	Dầu máy biến áp	Nynas 10 GBN (Hoặc dầu tương đương cùng chủng loại) - Tỷ trọng (ở 20 C) ≤ 0.9 Kg/dm ³ .	(*)	(**)

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Ghi chú
		- Nhiệt độ chớp cháy ≥ 125 oC. - Độ nhớt 400 C ≤ 9.2 mm²/s. - Giá trị trung hòa < 0.01mmg KOH/g . - Hàm lượng nước ≤ 10 ppm. - Tg δ (80 C) $\leq 2\%$.		
25	Sơn chống rỉ			
26	Sơn phủ màu ghi xám			
II	MÁY BIẾN ÁP TD91			
27	Van tay mặt bích, thép	JIS 10K DN25 lắp đặt phù hợp với thiết bị hiện hữu		
28	Van lấy mẫu dầu mặt bích thép	JIS 10K DN15 lắp đặt phù hợp với thiết bị hiện hữu		
29	Cọc đầu dây mạch điều khiển	UK6		
30	Cọc đầu dây mạch dòng	URTK/S		
31	Chặn cọc đầu dây			
32	Đầu cốt kim rồng	2mm ² (100 cái/túi)		
33	Đầu cốt kim rồng	4mm ² (100 cái/túi)		
34	Gioăng cao su	700x700xd8		
35	Gioăng cao su tấm d5	d5 300x500xd5		
36	Gioăng cao su dải	d10x20		
37	Thép tấm CT3	độ dày 10mm		
38	Bu lông mạ kẽm	M16x50		
39	Bu lông mạ kẽm	M12x50		

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Ghi chú
40	Bu lông mạ kẽm	M10x40		
41	Đồng hồ báo nhiệt độ dầu Máy biến áp tại chỗ (bao gồm cả phụ kiện)	Dải nhiệt độ: 0 - 120oC Cấp chính xác: KL 1.5 Tiếp điểm: tiếp điểm 1: 1NO+1NC; Tiếp điểm 2: 1NO+1NC; 5A, 250VAC. Tác động của tiếp điểm theo nhiệt độ cài đặt phù hợp với biến áp nhà máy Chiều dài cảm biến: phù hợp với vị trí lắp đặt của nhà máy. Cấp bảo vệ: IP54	(*)	
42	Cảm biến nhiệt độ dầu máy biến áp	Hãng sản xuất: AKM (hoặc tương đương) Model: 44664-105 Loại cảm biến: Pt100 Ren kết nối máy biến áp: BSP 1" Cấp bảo vệ: IP 54	(*)	(**)
43	Đồng hồ báo nhiệt độ cuộn dây tại chỗ	Hãng sản xuất: AKM (hoặc tương đương) Type: WTI series 35 Dải nhiệt độ: 0 - 150oC Độ chính xác: ±2% Mô phỏng nhiệt độ cuộn dây: $CT \leq 5A$ Số lượng tiếp điểm: 4 Kiểu tín hiệu đầu ra: Pt 100	(*)	(**)

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Ghi chú
		Chiều dài cảm biến: phù hợp với vị trí lắp đặt của nhà máy. Cấp bảo vệ: IP66		
44	Cảm biến đo nhiệt độ cuộn dây máy biến áp	Hãng sản xuất: AKM (hoặc tương đương) Model: 446812-105 Loại cảm biến: Pt100 Ren kết nối máy biến áp: BSP 1" Cấp bảo vệ: IP 54 - Có bộ phận gia nhiệt tích hợp để mô phỏng việc đo nhiệt độ cuộn dây bên trong máy biến áp	(*)	(**)
45	Bộ báo mức dầu bình dầu chính (bao gồm cả phụ kiện đi kèm)	Hãng sản xuất: Elmek (hoặc tương đương) Model: KYS B-B2; Code No: 591 Loại báo mức: Kiểu từ tính Góc quét: 100o Tiếp điểm Min: 1NO+1NC, Tiếp điểm Max: 1NO+1NC; 5A 250VAC Lắp đặt phù hợp với thiết bị hiện hữu của nhà máy	(*)	(**)
46	Bộ báo mức dầu khoang OLTC (bao gồm cả phụ kiện đi kèm)	Hãng sản xuất: Elmek (hoặc tương đương) Model: KYS A-B2; Code No: 561 Loại báo mức: Kiểu từ tính Góc quét: 140o Tiếp điểm Min: 1NO+1NC, Tiếp điểm Max: 1NO+1NC;	(*)	(**)

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Ghi chú
		5A 250VAC Lắp đặt phù hợp với thiết bị hiện hữu của nhà máy		
47	Đồng hồ báo nhiệt độ cuộn dây máy biến áp	Hãng sản xuất: Fuji (hoặc tương đương) Model: PXZ7-NEY2 Nguồn nuôi: 220VAC Tín hiệu vào: Pt100 Tín hiệu ra: 4-20mA Hiển thị nhiệt độ trên màn hình	(*)	(**)
48	Đồng hồ báo nhiệt độ dầu máy biến áp	Hãng sản xuất: Fuji (hoặc tương đương) Model: PXZ7-NEY2 Nguồn nuôi: 220VAC Tín hiệu vào: Pt100 Tín hiệu ra: 4-20mA Hiển thị nhiệt độ trên màn hình	(*)	(**)
49	Đồng hồ chỉ thị nấc phân áp	Hãng sản xuất: MR (hoặc tương đương) Chỉ thị: 17 nấc phân áp Nguồn nuôi: 220VDC Kích thước phù hợp với thiết bị hiện hữu của nhà máy	(*)	(**)
50	Dầu máy biến áp	Nynas 10 GBN (Hoặc dầu tương đương cùng chủng loại) - Tỷ trọng (ở 20 C) ≤ 0.9 Kg/dm ³ .	(*)	(**)

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Ghi chú
		- Nhiệt độ chớp cháy ≥ 125 oC. - Độ nhớt $400\text{ C} \leq 9.2\text{ mm}^2/\text{s}$. - Giá trị trung hòa $< 0.01\text{ mmg KOH/g}$. - Hàm lượng nước $\leq 10\text{ ppm}$. - Tg δ (80 C) $\leq 2\%$.		
51	Sơn chống rỉ			
52	Sơn phủ màu ghi xám			

(*) Nhà thầu đề xuất cung cấp hàng hóa hàng hóa được chọn đáp ứng thông số kỹ thuật tại cột "Thông số kỹ thuật của hàng hóa" thì nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh bao gồm:

- Catalogue, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa do nhà thầu đề xuất cung cấp (*catalogue, tài liệu kỹ thuật phải là tài liệu được phát hành bởi hãng sản xuất/nhà sản xuất của hàng hóa do nhà thầu đề xuất cung cấp*); catalogue, tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về thông số kỹ thuật của hàng hóa do nhà thầu đề xuất cung cấp;

(*Trường hợp các tài liệu nêu trên do nhà thầu cung cấp không được viết bằng tiếng Việt/tiếng Anh thì nhà thầu phải gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp nhà thầu không cung cấp các tài liệu theo quy định (hoặc không bổ sung được khi chủ đầu tư/bên mời thầu yêu cầu) hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng Việt/tiếng Anh mà không gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt (hoặc không bổ sung được bản dịch sang tiếng Việt khi chủ đầu tư/bên mời thầu yêu cầu) thì hàng hóa tương ứng do nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật*).

Để đảm bảo công bằng trong quá trình đánh giá E-HSDT, trường hợp trong E-HSDT nhà thầu không cung cấp tài liệu kỹ thuật của hàng hóa kèm theo E-HSDT để chứng minh hàng hóa nhà thầu đề xuất đáp ứng yêu cầu thì Nhà thầu sẽ bị đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật và không được phép bổ sung hoặc làm rõ trong quá trình đánh giá.

(**) Trường hợp nhà thầu đề xuất cung cấp hàng **tương đương** hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật tại cột "Thông số kỹ thuật của hàng hóa" thì nhà thầu phải cung cấp các tài liệu bao gồm:

- Catalogue, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa do nhà thầu đề xuất cung cấp (*catalogue, tài liệu kỹ thuật phải là tài liệu được phát hành bởi hãng sản xuất/nhà sản xuất của hàng hóa do nhà thầu đề xuất cung cấp*); catalogue, tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về thông số kỹ thuật của hàng hóa do nhà thầu đề xuất;

- Tài liệu chứng minh hàng hóa do nhà thầu đề xuất cung cấp tương đương về thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ, kích thước lắp đặt với hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về thông số kỹ thuật tại cột “Thông số kỹ thuật của hàng hóa” (*kèm theo bảng so sánh chi tiết các thông số kỹ thuật chính giữa hàng hóa nhà thầu đề xuất cung cấp với hàng hóa được chủ đầu tư/bên mời thầu chỉ dẫn tại cột “Thông số kỹ thuật của hàng hóa” để chứng minh sự tương đương về thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ*).

(Trường hợp các tài liệu nêu trên do nhà thầu cung cấp không được viết bằng tiếng Việt/tiếng Anh thì nhà thầu phải gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp nhà thầu không cung cấp các tài liệu theo quy định (hoặc không bổ sung được khi chủ đầu tư/bên mời thầu yêu cầu) hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng Việt/tiếng Anh mà không gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt (hoặc không bổ sung được bản dịch sang tiếng Việt khi chủ đầu tư/bên mời thầu yêu cầu) thì hàng hóa tương ứng do nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật).

- Nhà thầu cam kết chịu toàn bộ chi phí bồi thường các thiệt hại gây ra do sự không tương thích hoặc do lỗi hàng hóa nhà thầu cung cấp gây ra cho các thiết bị/hệ thống của chủ đầu tư sau khi thay thế vật tư, lắp đặt, vận hành chạy thử và trong thời gian bảo hành.

Nhà thầu có thể khảo sát thực tế thiết bị tại hiện trường của Nhà máy Nhiệt điện Na Dương để chào hàng hóa cho phù hợp.

1.2.2. Đối với phần cung cấp dịch vụ liên quan

a, Yêu cầu đối với phạm vi công việc

STT	Tên công việc/ thành phần hao phí	Khối lượng	ĐVT
I	Máy biến áp T1	1	HT
1	Công tác chuẩn bị		
2	Công tác bảo dưỡng, sửa chữa MBA 66MVA 11/110kV		
	Nghiên cứu tài liệu kỹ thuật.		
	Vệ sinh máy biến áp trước khi sửa chữa		
	Tháo dây mạch lực các phía máy biến áp		
	Rút dầu máy		
	Tháo Bình dầu phụ		
	Tháo rút sứ cao áp		
	Tháo rút sứ hạ áp		
	Tháo dàn ống bộ làm mát		
	Rút chân không máy		
	Sấy, lọc dầu máy biến áp		
	Tháo, bảo dưỡng, lắp đặt bộ điều áp dưới tải		
	Kiểm tra, vệ sinh các dàn làm mát, cánh tản nhiệt		
	Kiểm tra, sửa chữa các van dầu bộ làm mát		
	Kiểm tra vệ sinh các sứ cao, hạ áp		
	Kiểm tra xử lý các dò dầu, thay các gioăng mặt bích máy biến áp trừ gioăng mặt máy		
	Lắp các sứ cao, hạ áp		
	Lắp bộ làm mát		
	Lắp các thiết bị điện (đồng hồ báo nhiệt độ dầu, nhiệt độ cuộn dây, cảm biến nhiệt độ dầu, cuộn dây...)		
	Cấp dầu cho máy		
	Sơn lại toàn bộ Máy biến áp		
	Vệ sinh, Thu dọn hiện trường sau sửa chữa		
	Xác lập số liệu, đối chiếu tiêu chuẩn, nghiệm thu bàn giao		
II	Máy biến áp TD91	1	HT
1	Công tác chuẩn bị		
2	Công tác bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị Máy biến áp TD91		
	Nghiên cứu tài liệu kỹ thuật.		
	Vệ sinh máy biến áp trước khi sửa chữa		
	Tháo dây mạch lực các phía máy biến áp		
	Rút dầu máy		
	Tháo Bình dầu phụ		
	Tháo rút sứ cao áp		
	Tháo rút sứ hạ áp		

STT	Tên công việc/ thành phần hao phí	Khối lượng	ĐVT
	Tháo dàn ống bộ làm mát		
	Rút chân không máy		
	Sấy, lọc dầu máy biến áp		
	Tháo, bảo dưỡng, lắp đặt bộ điều áp dưới tải		
	Kiểm tra, vệ sinh các dàn làm mát, cánh tản nhiệt		
	Kiểm tra, sửa chữa các van dầu bộ làm mát		
	Kiểm tra vệ sinh các sứ cao, hạ áp		
	Kiểm tra sử lý các dò dầu thay các mặt bích bị rỉ không đảm bảo, thay các gioăng mặt bích máy biến áp trừ gioăng mặt máy		
	Lắp các sứ cao, hạ áp		
	Lắp bộ làm mát		
	Lắp các thiết bị điện (đồng hồ báo nhiệt độ dầu, nhiệt độ cuộn dây, cảm biến nhiệt độ dầu, cuộn dây...)		
	Cấp dầu cho máy		
	Sơn lại toàn bộ Máy biến áp		
	Vệ sinh, Thu dọn hiện trường sau sửa chữa		
	Xác lập số liệu, đối chiếu tiêu chuẩn, nghiệm thu bàn giao		

b, Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Nhà thầu phải cam kết thực hiện hoàn thành việc cung cấp và lắp đặt gói thầu trong vòng 210 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

1.3. Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật và biện pháp thực hiện dịch vụ liên quan

a) Nhà thầu phải có giải pháp kỹ thuật thực hiện dịch vụ liên quan, bao gồm các công tác chính như sau:

- Tháo thiết bị :

- + Cắt nguồn tách tủ thiết bị cần thay thế ra khỏi hệ thống.
- + Tháo tách thiết bị cũ ra khỏi vị trí vận hành.

- Lắp thiết bị :

- + Thay thiết bị mới lắp vào vị trí vận hành, kiểm tra, hiệu chỉnh.
- + Thu dọn vệ sinh khu vực sửa chữa, đưa phế thải về tập kết đúng nơi quy định.
- + Thực hiện công tác kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh trước trước khi vận hành.

- Khóa phiếu công tác và chạy thử thiết bị :

- + Lập biên bản nghiệm thu chạy thử thiết bị.
- + Nghiệm thu chạy thử, chạy tin cậy 72 giờ.
- + Kiểm tra các thông số kỹ thuật.
- + Lập biên bản nghiệm thu đưa thiết bị vào vận hành.

b) Nhà thầu phải cam kết:

- Tuân thủ đầy đủ các quy định của Nhà máy nhiệt điện Na Dương, bao gồm: quy định về bảo đảm an toàn, an ninh trật tự; quy định về bảo đảm công tác phòng cháy, chữa cháy; quy định về bảo vệ công tác môi trường;

- Quá trình thực hiện dịch vụ liên quan không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của chủ đầu tư; không để xảy ra mất an toàn, an ninh trật tự; sự cố cháy nổ; sự cố môi trường;

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu để xảy ra các sự cố mất an toàn, an ninh trật tự; sự cố cháy nổ; sự cố môi trường do lỗi của nhà thầu.

- Đảm bảo cung cấp đầy đủ nhân sự, máy móc phục vụ thi công và toàn bộ vật tư phụ cần thiết để hoàn thành gói thầu.

Mục 2. Bản vẽ: Không

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

3.1. Đối với phần cung cấp hàng hóa

Tất cả các hàng hóa do nhà thầu cung cấp sẽ được chủ đầu tư kiểm tra, nghiệm thu với các nội dung cụ thể như sau:

a) Kiểm tra tính hợp lệ của hàng hóa:

- Trước khi bàn giao hàng hóa, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa. Tài liệu cung cấp được thể hiện bằng ngôn ngữ tiếng Việt và/hoặc có bản dịch đối với các tài liệu cung cấp bằng tiếng nước ngoài. Nhà thầu chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ tài liệu do nhà thầu cung cấp, nếu sai nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm;

- Hàng hóa được đánh giá là hợp lệ khi có đầy đủ các tài liệu chứng minh đáp ứng theo quy định của E-HSMT và các quy định khác của hợp đồng.

- Trường hợp nhà thầu không mua hàng hóa trực tiếp từ nhà sản xuất mà qua doanh nghiệp thương mại (doanh nghiệp nhập khẩu trong Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)) và hàng hóa đó không thể hiện rõ thông tin (serial number...) trong Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) thì nhà thầu cung cấp bổ sung Hợp đồng mua bán giữa nhà thầu và doanh nghiệp thương mại đó hoặc cam kết của doanh nghiệp thương mại đó với nội dung cam kết rằng hàng hóa bán cho nhà thầu để cung cấp cho Chủ đầu tư đảm bảo đúng hàng hóa trong Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

b) Kiểm tra chất lượng hàng hóa:

- Khi bàn giao hàng hóa, các bên có liên quan cùng tiến hành kiểm tra chất lượng của từng hàng hóa. Hàng hóa được đánh giá là đáp ứng về chất lượng so với quy định của hợp đồng khi thỏa mãn đầy đủ các điều kiện sau:

- + Hàng hóa chưa qua sử dụng, mới 100% chưa qua sử dụng, nguyên đai, nguyên kiện, được đóng gói và bảo quản theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, không bị biến dạng, móp méo, không bị han gỉ do tác động của môi trường;

- + Không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa cung cấp. Cam kết hàng hóa cung cấp hợp pháp và chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do

việc khiếu nại của bên thứ ba về vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa mà Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư;

+ Hàng hóa phải đáp ứng theo danh mục hàng hóa và đặc tính, thông số kỹ thuật tương ứng được ghi trong hợp đồng và các tài liệu chứng minh về nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng.

- Trong trường hợp Chủ đầu tư có sự nghi ngờ về chất lượng hàng hóa do nhà thầu cung cấp không đáp ứng đúng theo hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải có trách nhiệm thuê 01 đơn vị có chức năng giám định chất lượng hàng hóa do nhà thầu cung cấp, mọi chi phí phát sinh (nếu có) do bên sai chi trả. Nếu kết quả kiểm tra thử nghiệm đạt yêu cầu kỹ thuật thì Chủ đầu tư chịu mọi chi phí thử nghiệm, ngược lại nếu kết quả kiểm tra thử nghiệm không đạt yêu cầu kỹ thuật thì Nhà thầu chịu chi phí thử nghiệm và các chi phí phát sinh khác, khi đó Chủ đầu tư từ chối không nhận hàng hóa.

c) Nghiệm thu, tiếp nhận hàng hóa:

Chủ đầu tư chỉ đồng ý nghiệm thu, tiếp nhận các hàng hóa khi đáp ứng được các yêu cầu quy định mục (a) và mục (b) nêu trên.

Khi giao nhận hàng hóa, Nhà thầu có trách nhiệm cử đại diện có đủ năng lực, kinh nghiệm về hàng hóa đến địa điểm giao hàng của Chủ đầu tư.

Hỗ trợ chủ đầu tư dịch vụ kỹ thuật (bao gồm cử cán bộ kỹ thuật), khi có yêu cầu nhưng không phát sinh chi phí.

3.2. Đối với phần cung cấp dịch vụ liên quan

Tất cả các công việc do nhà thầu thực hiện sẽ được chủ đầu tư kiểm tra, giám sát. Tất cả các dịch vụ liên quan do nhà thầu thực hiện sẽ được chủ đầu tư giám sát và kiểm tra, nghiệm thu đảm bảo các yêu cầu cụ thể như sau:

- Thiết bị lắp đặt mới hoạt động ổn định, không báo lỗi;
- Nhà thầu phải lập tài liệu hướng dẫn vận hành để bàn giao cho chủ đầu tư.
- Nhà thầu phải có tài liệu hướng dẫn bảo trì ở từng cấp theo quy định của nhà sản xuất, danh mục vật tư tiêu hao, làm cơ sở để quá trình vận hành lập kế hoạch bảo dưỡng, thay thế bổ sung vật tư tiêu hao theo yêu cầu của nhà sản xuất thiết bị.

Mục 4. Yêu cầu về bảo hành

1. Nội dung bảo hành:

- Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm bảo hành hàng hóa và dịch vụ thuộc phạm vi gói thầu. Trong thời gian bảo hành có bất kỳ khiếm khuyết nào nhà thầu phải sửa chữa lại, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng theo quy định của hợp đồng;

- Trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm Chủ đầu tư gửi văn bản yêu cầu Nhà thầu sửa chữa hoặc thay thế vật tư, thiết bị theo trách nhiệm bảo hành. Nhà thầu phải tiến hành khắc phục ngay các lỗi, khiếm khuyết, sự cố xảy ra. Trường hợp Nhà thầu không tới thực hiện thì Chủ đầu tư tự tổ chức thực hiện hoặc thuê bên thứ ba thực hiện khi đó mọi trách nhiệm và chi phí có liên quan do Nhà thầu chịu.

2. Thời gian bảo hành 365 ngày kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng.

Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Công ty nhiệt điện Na Dương – TKV Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam Mã số thuế: 0104297034-001 Số tài khoản: 3510007744 tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam – Chi nhánh Lạng Sơn. Số điện thoại: 02053.844.263 Số fax: 02053.844.132 E-mail: naduong@vinacominpower.vn
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: ____ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].
E-ĐKC 1.11	Địa điểm dự án: Nhà máy Nhiệt điện Na Dương (Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn).
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: Không.
E-ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: - Người nhận: Công ty nhiệt điện Na Dương – TKV - Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam - Số điện thoại: 02053.844.263 - Fax: 02053.844.132 - Địa chỉ email: naduong@vinacominpower.vn
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao và các dịch vụ liên quan (nếu có) được hoàn thành hai bên ký biên bản nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và các dịch vụ liên quan (nếu có) được hoàn thành và nhà thầu chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: __ <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT]</i> .
E-ĐKC 7.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: Tối đa 07 ngày. Trong khoảng thời gian này mỗi bên sẽ phải cử đại diện của mình tới thảo luận hòa giải và phải gửi thông báo cho bên kia biết. Sau khoảng thời gian quy định là 07 ngày, đại diện của hai bên phải đưa ra cách thức giải quyết tranh chấp phù hợp với cả hai bên. Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có bất đồng hoặc tranh chấp phát sinh thì sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải giữa hai bên. Trong trường hợp không giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải giữa hai bên thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án Lạng Sơn theo quy định của pháp luật
E-ĐKC 9	Nhà thầu phải cung cấp các chứng từ sau đây: - Các tài liệu kỹ thuật của hàng hóa, bao gồm: catalogue, tài liệu kỹ thuật, bản vẽ kỹ thuật và các tài liệu liên quan khác. - Các tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng của hàng hóa, cụ thể: + Đối với hàng hóa nhập khẩu: Bản gốc hoặc bản sao được chứng thực (kèm theo bản dịch thuật công chứng sang tiếng Việt) của Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu phát hành và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) do đơn vị sản xuất hàng hóa phát hành (hoặc các tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng khác có giá trị tương đương và được Chủ đầu tư chấp nhận); trường hợp C/O được cung cấp dưới hình thức C/O điện tử thì Nhà thầu phải cung cấp mã QR Code hoặc đường dẫn (link) tra cứu thông tin của C/O để Chủ đầu tư kiểm tra, xác thực (nếu cần); + Đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam: Bản gốc hoặc bản sao được chứng thực của Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa hoặc Giấy chứng nhận xuất xứ do đơn vị sản xuất hàng hóa phát hành (hoặc các tài liệu chứng minh chất lượng khác có giá trị tương đương và được Chủ đầu tư chấp nhận). + Đối với hàng hóa có đơn giá dưới 10 (mười) triệu đồng: Bản gốc cam kết chất lượng, xuất xứ của hàng hóa do nhà thầu phát hành.

	Nhà thầu cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về pháp lý đối với các tài liệu (bao gồm nhưng không hạn chế bởi các nội dung sau: tính xác thực của tài liệu, các thông tin được đề cập trong tài liệu, bản quyền tác giả của tài liệu,...) do Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải nhận được các thông tin chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.
E-ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
E-ĐKC 11.2	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 12.3	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 13.1	Tạm ứng: Không áp dụng.
E-ĐKC 14.2	Phương thức thanh toán: - Hình thức thanh toán: Chuyển khoản; - Số lần, thời hạn thanh toán: Thanh toán lần 1: Chủ đầu tư sẽ thanh toán đến 95% giá trị quyết toán hợp đồng trong vòng 45 ngày làm việc (không bao gồm ngày thứ 7, chủ nhật, lễ, tết) kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, bao gồm: + Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu; + Hóa đơn tài chính 100% giá trị khối lượng hoàn thành Hợp đồng hợp lệ; + Biên bản nghiệm thu, bàn giao hàng hóa; + Biên bản nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng; + Biên bản thanh lý và quyết toán hợp đồng kèm theo bảng tổng hợp giá trị quyết toán; + Chứng thư bảo lãnh bảo hành (trong trường hợp áp dụng bảo lãnh bảo hành bằng Thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành); + Các chứng từ liên quan khác (nếu có).

	Thanh toán lần 2: Chủ đầu tư thanh toán 5% giá trị quyết toán còn lại của hợp đồng trong vòng 30 ngày làm việc, sau khi công trình được thẩm tra phê duyệt quyết toán công trình của đơn vị kiểm toán và Chủ đầu tư nhận được đề nghị thanh toán của Nhà thầu.
E-ĐKC 15.2	Quyền: Không.
E-ĐKC 18.2	Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Hàng hóa phải được đóng gói, bảo quản theo quy định của nhà sản xuất và được vận chuyển đến địa điểm giao hàng quy định trong hợp đồng phải nguyên đai nguyên kiện, được che phủ cẩn thận, không bị móp méo, biến dạng.
E-ĐKC 19	Nội dung bảo hiểm: Nhà thầu chịu trách nhiệm về bảo hiểm cho hàng hóa, thiết bị cũng như con người của mình cho đến khi thực hiện xong công việc theo quy định hợp đồng giữa Hai bên.
E-ĐKC 20.1	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.
E-ĐKC 20.2	Các dịch vụ bao gồm: - Tháo dỡ và chuyển thiết bị cũ về kho của nhà máy theo quy định; - Lắp đặt thiết bị mới (bao gồm toàn bộ vật tư phụ để lắp đặt hoàn thiện) vào vị trí thiết bị hiện có của nhà máy - Thực hiện công tác kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh trước trước khi vận hành. - Vận hành và chạy thử hệ thống lắp đặt mới; - Hoàn thiện công trình, nghiệm thu và bàn giao.
E-ĐKC 21.1	Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: a) Kiểm tra tính hợp lệ của hàng hóa: - Trước khi bàn giao hàng hóa, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa. Tài liệu cung cấp được thể hiện bằng ngôn ngữ tiếng Việt và/hoặc có bản dịch đối với các tài liệu cung cấp bằng tiếng nước ngoài. Nhà thầu chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ tài liệu do nhà thầu cung cấp, nếu sai nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm;

	- Hàng hóa được đánh giá là hợp lệ khi có đầy đủ các tài liệu chứng minh đáp ứng theo quy định của E-HSMT và các quy định khác của hợp đồng. - Trường hợp nhà thầu không mua hàng hóa trực tiếp từ nhà sản xuất mà qua doanh nghiệp thương mại (doanh nghiệp nhập khẩu trong Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)) và hàng hóa đó không thể hiện rõ thông tin (serial number...) trong Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) thì nhà thầu cung cấp bổ sung Hợp đồng mua bán giữa nhà thầu và doanh nghiệp thương mại đó hoặc cam kết của doanh nghiệp thương mại đó với nội dung cam kết rằng hàng hóa bán cho nhà thầu để cung cấp cho Chủ đầu tư đảm bảo đúng hàng hóa trong Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O). b) Kiểm tra chất lượng hàng hóa: - Khi bàn giao hàng hóa, các bên có liên quan cùng tiến hành kiểm tra chất lượng của từng hàng hóa. Hàng hóa được đánh giá là đáp ứng về chất lượng so với quy định của hợp đồng khi thỏa mãn đầy đủ các điều kiện sau: + Hàng hóa chưa qua sử dụng, mới 100% chưa qua sử dụng, nguyên đai, nguyên kiện, được đóng gói và bảo quản theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, không bị biến dạng, móp méo, không bị han gỉ do tác động của môi trường; + Không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa cung cấp. Cam kết hàng hóa cung cấp hợp pháp và chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa mà Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư; + Hàng hóa phải đáp ứng theo danh mục hàng hóa và đặc tính, thông số kỹ thuật tương ứng được ghi trong hợp đồng và các tài liệu chứng minh về nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng. - Trong trường hợp Chủ đầu tư có sự nghi ngờ về chất lượng hàng hóa do nhà thầu cung cấp không đáp ứng đúng theo hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải có trách nhiệm thuê 01 đơn vị có chức năng giám định chất lượng hàng hóa do nhà thầu cung cấp, mọi chi phí phát sinh (nếu có) do bên sai chi trả. - Nếu kết quả kiểm tra thử nghiệm đạt yêu cầu kỹ thuật thì Chủ đầu tư chịu mọi chi phí thử nghiệm, ngược lại nếu kết quả
--	---

	kiểm tra thử nghiệm không đạt yêu cầu kỹ thuật thì Nhà thầu chịu chi phí thử nghiệm và các chi phí phát sinh khác, khi đó Chủ đầu tư từ chối không nhận hàng hóa. c) Nghiệm thu, tiếp nhận hàng hóa: Chủ đầu tư chỉ đồng ý nghiệm thu, tiếp nhận các hàng hóa khi đáp ứng được các yêu cầu quy định mục (a) và mục (b) nêu trên. Khi giao nhận hàng hóa, Nhà thầu có trách nhiệm cử đại diện có đủ năng lực, kinh nghiệm về hàng hóa đến địa điểm giao hàng của Chủ đầu tư. Hỗ trợ chủ đầu tư dịch vụ kỹ thuật (bao gồm cử cán bộ kỹ thuật), khi có yêu cầu nhưng không phát sinh chi phí.
E-ĐKC 21.2	Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Nhà máy Nhiệt điện Na Dương (Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) hoặc một đơn vị có chức năng giám định chất lượng hàng hóa do Chủ đầu tư chỉ định.
E-ĐKC 22	1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng. Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 0,2%/ngày cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế. Nếu trong quá trình thực hiện việc lắp đặt, Bên B gây mất mát vật tư hoặc làm hư hỏng thiết bị của Bên A thì Bên B phải bồi thường thiệt hại tương ứng với phần giá trị tổn thất. Trường hợp việc hư hỏng thiết bị làm ảnh hưởng đến việc phát điện của Bên A thì Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế

	phát sinh.
E-ĐKC 23.3	Thời hạn bảo hành là: Bảo hành hàng hóa trong vòng 365 ngày được tính từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Địa điểm để áp dụng bảo hành là: Nhà máy Nhiệt điện Na Dương (Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn).
E-ĐKC 23.5 E-ĐKC 23.6	Thời hạn sửa chữa, thay thế là: 3 ngày.
E-ĐKC 27.7 (d)	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.

